

Bản án số: 66/2023/HS-ST
Ngày: 19-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhật và Ông Hà Văn Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2023/TLST-HS, ngày 22 tháng 11 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân C (đã chết) và bà Diệp Thị V (tên gọi khác Diệp Thị D), sinh năm 1964; Vợ: Đặng Thị P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2016; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 04; Tiền án: Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 17/2023/HS-PT ngày 19/7/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/11/2013, bị Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 350.000 đồng về hành vi đánh bạc.

- Ngày 28/9/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Cướp tài sản”.

- Ngày 12/9/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Triệu Tiên L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bà Triệu Thị S, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Anh Triệu Văn P, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

(Có mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Triệu Thị S, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định Nguyễn Đình C, sinh năm 1989, trú tại: xóm Q, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã nảy sinh ý định đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp tiêu xài cá nhân. Buổi sáng ngày 07/9/2023, C đi mô tô biển kiểm soát 20B2-580.39 (xe mượn của Nguyễn Thu T, sinh năm 1987, trú tại: xóm Q, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là chị gái C) rồi dùng băng dính gắn biển kiểm soát 12S1-074.22 do trước đó C nhặt được ở rìa đường ở tỉnh Lạng Sơn, dán đề lên biển kiểm soát 20B2-580.39 để nhằm mục đích tránh sự phát hiện của mọi người, đi từ nhà theo Quốc lộ 1B đến chợ L mục đích xem có ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Lúc này vào khoảng 9 giờ C đi vào khu vực nhà sàn của gia đình ông Triệu Tiến L, sinh năm 1977, trú tại: xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. C dừng xe tại sân trước ngôi nhà và quan sát không thấy có ai ở nhà nên C đi ra phía khu vực nhà bếp của ngôi nhà thì thấy cửa bếp mở không khoá cửa, C bước lên cầu thang nhà bếp rồi đi vào trong ngôi nhà sàn mục đích để tìm kiếm tài sản có giá trị để trộm cắp. Khi bắt đầu vào trong nhà C phát hiện thấy phía bên phải trước thềm cửa vào trong nhà có 02 chiếc điện thoại di động của ông Triệu Tiến L để gần ổ điện, nên C đã lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen và bỏ lại chiếc điện thoại đen trắng do không có giá trị, sau đó C vào trong nhà lấy thêm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xanh của bà Triệu Thị S (vợ ông L) để trên mặt sàn gian phòng khách, rồi cất cả hai chiếc điện thoại vào túi quần bên phải, sau đó C quay lại đi xuống nhà bếp thì phát hiện tại vị trí gần ổ điện (khu vực để 02 chiếc điện thoại trước đó) có 01 chiếc máy chà, màu sơn đỏ đen, C tiếp tục trộm cắp chiếc máy chà rồi đi xuống dưới sân, C mang chiếc máy chà để lên giá để đồ phía trước xe mô tô. Sau đó, C đi vào phía gầm sàn nhà phát hiện và lấy trộm 01 chiếc máy cưa lóc (cưa xăng) vỏ màu cam, C cầm chiếc cưa đi đến phía chiếc xe máy của C rồi đặt chiếc cưa máy tại vị trí giá để đồ phía trước. Sau đó tiếp tục đi đến vị trí chiếc xe mô tô, nhãn hiệu AIR BLADE của anh Triệu Văn P là con trai của ông L dựng ở gần cầu thang gỗ hướng lên nhà sàn, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khoá xe. Nên C vặn nút chìa khoá để mở cốp xe, thì thấy trong cốp xe có 01 chiếc ví da màu đen của anh P để ở đó bên trong ví có số tiền 1.790.000 đồng

và 01 giấy phép xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép ô tô hạng C, 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 20D1-107.86, nên C đã lấy và cất vào túi quần bên trái rồi ra xe điều khiển đi theo hướng từ xóm C, xã V đến xóm C, xã P. Đi được một đoạn C nhìn thấy ở rìa đường có 01 chiếc bao tải màu trắng, nên đã nhặt chiếc bao và cho chiếc máy cưa vào trong bao rồi buộc phía sau xe và tháo chiếc BKS 12S1-074.22 ra để ở giá đèo hàng phía trước rồi tiếp tục điều khiển xe đi được khoảng 04 - 05 km Chiều dừng xe ở ven đường cầm ví ra kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền khoảng 02 triệu đồng và một số giấy tờ cá nhân của anh P. C đã lấy toàn bộ số tiền ở trong ví rồi vứt chiếc ví cùng các giấy tờ của anh P để trong ví xuống bụi cây gần đó và tiếp tục điều khiển xe theo hướng xóm C, xã P qua xã V, huyện B đến đường quốc lộ 1B theo hướng Lạng Sơn đi Thái Nguyên về nhà tại xóm Quang Trung, xã Sơn Cẩm, thành phố T. Trên đường về khi đi đến khu vực cầu C thuộc xã C, thành phố T, C dừng xe giữa cầu và lấy 02 chiếc thoại mà C đã chiếm đoạt được ra kiểm tra thấy cả hai chiếc điện thoại đều được cài đặt bằng mật khẩu và hình vẽ khoá nên không mở được, vì vậy C đã vứt hai chiếc điện thoại xuống dưới sông sau đó tiếp tục điều khiển xe đến khu vực đường đất cách nhà khoảng 150m, C cầm chiếc biển kiểm soát 12S1-074.22 ném vào bụi cây gần nhà. Khi về đến nhà C lấy chiếc cưa máy ra khỏi bao tải sau đó tháo lam, xích rồi cất vào chiếc hòm gỗ tại gian phòng ngủ của C cùng chiếc máy chà đã trộm cắp được, còn bao tải C đem đi đốt ở phía trước cửa bếp gần vị trí sao chè nhà C.

Sau khi bị phát hiện bị mất tài sản anh Triệu Văn P đã trình báo Công an xã V để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh ngày 08/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định được Nguyễn Đình C là người đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản ngày 07/9/2023 tại xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nguyễn Đình C đã thu giữ trên người C số tiền 1.970.000 đồng; tại phòng ngủ 01 máy cưa lốc vỏ màu cam, không gắn lưỡi cưa vỏ máy in chữ Husqvarna Special 365, 01 lưỡi lam gắn có dây xích kim loại, bề mặt in chữ Husqvarna kích thước dài 58cm, rộng 8cm và 01 máy chà điện vỏ màu đỏ đen, gắn một lưỡi chà, vỏ máy in chữ FEG và một số đồ vật khác có liên quan. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 chiếc ví da màu đen bên trong 01 giấy phép xe mô tô hạng

A1, 01 giấy phép ô tô hạng C, 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank đều mang tên Triệu Văn P và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 20D1-107.86. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đen có giá trị còn lại là 200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có giá trị còn lại là 1.200.000 đồng; 01 cửa lốc (cửa xăng) có giá trị còn lại là 3.000.000 đồng; 01 máy chà màu đỏ đen có giá trị còn lại là 150.000 đồng 01 ví giả da có giá trị còn lại là 50.000 đồng. Tổng cộng giá trị còn lại các tài sản định giá là: 4.600.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 64/CT-VKSVN ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố Nguyễn Đình C về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Đình C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2023.

Tổng hợp hình phạt tại bản án số: 17/2023/HS-PT, ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tù 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo thành tù có thời hạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án từ 44 đến 50 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại ông Triệu Tiến L, bà Triệu Thị S và anh Triệu Văn P. Bị cáo tự nguyện bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đen là 200.000 đồng cho bà Triệu Thị S; giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh là 1.200.000 đồng cho ông Triệu Tiến L và giá trị chiếc ví giả da là 50.000 đồng cho anh anh Triệu Văn P.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần đùi vải màu đen đã qua sử dụng; 01 đôi dép, loại dép quai giả da màu nâu đã cũ; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, in chữ ASIA đã cũ; 01 đôi gang tay vải màu trắng-xanh đã cũ;

- Trả lại cho anh P 1.790.000 đồng; Tạm giữ của bị cáo 180.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35, màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1: 864751064673596; IMEI 2: 864751064673588 để bảo đảm cho việc Thi hành án;

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng đã thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại và một số tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng

xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ ngày 07/9/2023, tại xóm C, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Nguyễn Đình C đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đen có giá trị là 200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có giá trị là 1.200.000 đồng; 01 cửa lóc (cửa xăng) có giá trị là 3.000.000 đồng; 01 máy chà có giá trị là 150.000 đồng 01 ví giả da có giá trị còn lại là 50.000 đồng và số tiền 1.790.000 đồng cùng một số giấy tờ cá nhân khác của gia đình ông Triệu Tiến L, bà Triệu Thị S và anh Triệu Văn P. Tổng trị giá là: 6.390.000đ (Sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình C có đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng *nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây*, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương còn là nguyên nhân phát sinh tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về nhân thân bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử lý về hình sự và xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 17/2023/HS-PT, ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo C 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng về tội: “Trộm cắp tài sản” trong thời gian thử thách bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới. Vì vậy, áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 20 (hai mươi) tháng tù của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và tổng hợp với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Xét tính chất mức độ tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo và các bị hại đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau và nhất trí về bồi thường theo trị giá tài sản đã được định giá, cụ thể: Bị cáo C bồi thường cho ông Triệu Tiến L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có trị giá 1.200.000 đồng; bà Triệu Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đen có trị giá 200.000 đồng; và anh Triệu Văn P 01 ví giả da có trị giá 50.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên về bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức và pháp luật nên cần **công** nhận thỏa thuận này là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 quần đùi vải màu đen đã qua sử dụng; 01 đôi dép, loại dép quai giả da màu nâu đã cũ; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, in chữ ASIA đã cũ; 01 đôi gang tay vải màu trắng-xanh đã cũ cần tịch thu tiêu hủy;

- Tại phiên tòa bị cáo C khai: số tiền 1.970.000 đồng đang bị tạm giữ, trong đó có 1.790.000 đồng do trộm cắp của anh P mà có, xét thấy số tiền này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh P nên cần trả lại cho anh để quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Số tiền còn lại 180.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35, màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1: 864751064673596; IMEI 2: 864751064673588 của bị cáo C cần tạm giữ để bảo đảm cho việc Thi hành án;

- Đối với 01 máy cưa lốc vỏ màu cam, in chữ “Husqvarna Special 365”, không gắn lưỡi cưa; 01 máy chà điện vỏ màu đỏ - đen, in chữ “FEG” gắn một lưỡi chà. 01

lưỡi lam gắn dây xích kim loại, bề mặt in chữ “Husqvarna”, dài 58 cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng bạc, biển kiểm soát 20B2-580.39. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại và chị Nguyễn Thu T là chủ sở hữu hợp pháp quản lý sử dụng nên không đề nghị xem xét.

- Đối với chiếc BKS 12S1-074.22, đã xác định được chủ sở hữu là anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1990, cư trú tại thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã bị trộm cắp trước đó. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đ quản lý nên không đề nghị xem xét.

[8]Trong vụ án này, Đối với chị Nguyễn Thu T là người đã cho bị cáo Nguyễn Đình C mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng bạc, BKS 20B2-580.39. Ngày 07/9/2023, bị cáo C sử dụng để trộm cắp tài sản chị T không biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên trong lời luận tội về tội danh, về hình phạt, về án phí và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình C với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[11]Về án phí: Căn cứ **Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự**, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12]Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình C** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Đình C **02** (hai) năm tù. Buộc Nguyễn Đình C phải chấp hành hình phạt **20** (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **40** (bốn mươi) tháng về tội: “Trộm cắp tài

sản”, tại bản án hình sự phúc thẩm số: 17/2023/HS-PT, ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: **03** (ba) năm **08** (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình C với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa: bị cáo Nguyễn Đình C và các bị hại ông Triệu Tiến L, bà Triệu Thị S và anh Triệu Văn P như sau: Bị cáo Nguyễn Đình C nhất trí bồi thường chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 màu đen trị giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) cho bà Triệu Thị S; nhất trí bồi thường chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh trị giá 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho ông Triệu Tiến L và nhất trí bồi thường chiếc ví giả da trị giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) cho anh anh Triệu Văn P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông L, bà S, anh P (đối với các khoản tiền phải trả cho ông L, bà S, anh P) cho đến khi thi hành án xong, bị cáo C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần đùi vải màu đen đã qua sử dụng; 01 đôi dép, loại dép quai giả da màu nâu đã cũ; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, in chữ ASIA đã cũ; 01 đôi gang tay vải màu trắng-xanh đã cũ;

- Trả lại cho anh Triệu Văn P 1.790.000đ (Một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng);

- Tạm giữ của bị cáo C 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35, màu đen, ốp lưng bằng nhựa màu đen, cũ đã qua sử dụng có số IMEI 1: 864751064673596; IMEI 2: 864751064673588 để bảo đảm cho việc Thi hành án;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2023 và ủy nhiệm chỉ ngày 13/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

5.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6.Về quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện V;
- Cơ quan điều tra CA huyện V;
- CQTHAHS Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Bị cáo-BH-NLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung

